

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10 - 11
7. Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	12 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái được thành lập từ việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Xí nghiệp Việt Thái thuộc Công ty TNHH MTV Dây và Cáp điện Việt Nam) theo Quyết định số 1689/QĐ-TCCB ngày 09 tháng 5 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600751476, đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 9 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 18 tháng 7 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Ngày 29 tháng 10 năm 2014, cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là VTH.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Điện thoại : +84 (0251) 3 836 158
- Fax : +84 (0251) 3 836 297

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất dây và cáp điện;
- Đại lý bán hàng và dịch vụ thương mại (trừ môi giới bất động sản, môi giới bảo hiểm, đấu giá);
- Bán buôn các mặt hàng dây và cáp điện. Kinh doanh vật tư, máy móc thiết bị và phụ tùng;
- Bán buôn các mặt hàng đồng, thau, nhôm;
- Sản xuất đồng, thau, nhôm.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm /Tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Đức Tường	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2024
Ông Trần Văn Hùng	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2024
	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2024
Ông Trần Minh Hiệp	Thành viên độc lập	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2024
Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2024
Ông Nguyễn Đức Mạnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2024
Bà Mai Phan Cẩm Tú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2024
Ông Nguyễn Hải Hồ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2024

Ủy ban kiểm toán

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quang Vinh	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2024
Ông Trần Minh Hiệp	Ủy viên Ủy ban kiểm toán	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2024
	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2024

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Đức Mạnh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2024
Bà Mai Phan Cẩm Tú	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2024
	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Đức Tường	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2024
Bà Mai Phan Cẩm Tú	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2024

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Mai Phan Cẩm Tú
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

Số: 1.0550/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI**

Chúng tôi đã kiểm toán cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2025, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Hoàng Thái Vượng
Thành viên Ban Giám Đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2129-2023-008-1

Người được ủy quyền


Phan Cao Huyền**Kiểm toán viên**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3523-2021-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		398.561.244.430	259.163.050.959
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	14.903.058.723	8.778.054.977
1. Tiền	111		4.405.915.118	728.054.977
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.497.143.605	8.050.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		41.490.000.000	2.140.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	41.490.000.000	2.140.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		103.338.081.517	89.243.152.818
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	99.423.613.764	75.858.127.943
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.109.187.507	2.524.562.449
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	2.074.907.335	13.830.089.515
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(3.269.627.089)	(2.969.627.089)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	235.196.798.172	157.641.886.372
1. Hàng tồn kho	141		235.196.798.172	157.641.886.372
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.633.306.018	1.359.956.792
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.354.244.309	1.359.956.792
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.279.061.709	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		110.632.286.149	91.843.675.385
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		247.000.000	472.640.800
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	247.000.000	472.640.800
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		68.934.569.603	59.877.974.185
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	64.406.610.563	56.273.426.193
- Nguyên giá	222		144.346.015.087	128.148.335.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(79.939.404.524)	(71.874.909.207)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	4.259.209.052	3.282.048.000
- Nguyên giá	225		4.483.377.950	4.102.560.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(224.168.898)	(820.512.000)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	268.749.988	322.499.992
- Nguyên giá	228		430.000.000	430.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(161.250.012)	(107.500.008)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		23.415.185.993	20.038.000.561
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	23.415.185.993	20.038.000.561
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		18.035.530.553	11.455.059.839
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	18.035.530.553	11.455.059.839
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		509.193.530.579	351.006.726.344

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		411.489.401.429	262.518.503.211
I. Nợ ngắn hạn	310		388.996.039.160	245.393.048.912
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	106.832.274.119	62.801.411.764
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	12.979.204.355	9.121.614.051
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	1.167.373.344	1.734.623.921
4. Phải trả người lao động	314	V.16	3.391.460.516	2.173.524.225
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	1.930.815.214	4.214.664.628
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	1.550.972.551	535.333.200
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	261.132.449.313	164.800.387.375
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		11.489.748	11.489.748
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		22.493.362.269	17.125.454.299
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	22.493.362.269	17.125.454.299
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		97.704.129.150	88.488.223.133
I. Vốn chủ sở hữu	410		97.704.129.150	88.488.223.133
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	78.999.890.000	78.999.890.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		78.999.890.000	78.999.890.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.20	27.840.677	27.840.677
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	18.676.398.473	9.460.492.456
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		9.460.492.456	9.460.492.456
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		9.215.906.017	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		509.193.530.579	351.006.726.344

Bạch Thị Minh Thu
Kế toán trưởng/Người lập



Đồng Nai, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Mai Phan Cẩm Tú
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	762.822.937.964	509.281.515.716
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	6.017.035.910	310.593.600
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		756.805.902.054	508.970.922.116
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	683.928.493.076	441.739.050.524
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		72.877.408.978	67.231.871.592
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	572.607.152	477.237.031
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	16.175.246.856	14.411.731.576
Trong đó: chi phí lãi vay	23		15.452.427.989	12.516.271.260
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	33.978.120.649	31.650.810.431
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	11.093.088.759	12.586.047.275
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.203.559.866	9.060.519.341
11. Thu nhập khác	31	VI.8	43.217.757	4.890.254
12. Chi phí khác	32	VI.9	277.266.608	765.968.052
13. Lợi nhuận khác	40		(234.048.851)	(761.077.798)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.969.511.015	8.299.441.543
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	2.753.604.998	1.663.534.182
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.215.906.017	6.635.907.361
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.167	840
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	1.167	840

Đồng Nai, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Bạch Thị Minh Thu
Kế toán trưởng/Người lập



Mai Phan Cẩm Tú
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11.969.511.015	8.299.441.543
2. Điều chỉnh cho các khoản:		V.9, V.10,		
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.11	7.521.902.219	6.480.786.180
- Các khoản dự phòng	03	V.6	300.000.000	2.298.540.469
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	261.586.930	1.071.232.501
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4	(418.670.762)	(91.453.972)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	15.452.427.989	12.516.271.260
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		35.086.757.391	30.574.817.981
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(16.448.349.608)	(1.823.051.674)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(77.554.911.800)	(69.335.808.295)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		66.031.420.273	15.258.004.635
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(6.574.758.231)	(2.270.100.674)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.17, VI.5	(15.446.472.989)	(13.353.761.343)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(3.213.534.182)	(461.216.587)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(18.119.849.146)	(41.411.115.957)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.12, VII	(36.940.248.578)	(19.454.762.619)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(39.350.000.000)	(2.140.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	418.670.762	91.453.972
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(75.871.577.816)	(21.503.308.647)

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	673.401.800.768	441.682.334.947
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(571.942.580.920)	(375.401.853.490)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	V.19	(1.342.789.140)	(1.235.985.520)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(12.137.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		100.116.430.708	65.032.358.437
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		6.125.003.746	2.117.933.833
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	8.778.054.977	6.660.121.144
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	14.903.058.723	8.778.054.977

Bạch Thị Minh Thu
Kế toán trưởng/Người lập



Đồng Nai, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Mai Phan Cẩm Tú
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất, kinh doanh các mặt hàng: đồng, thau, nhôm, dây và cáp điện, kinh doanh vật tư và thiết bị, đại lý bán hàng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 127 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 124 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP NH TMCP Quân Đội (MB Bank) – Chi nhánh Sở Giao Dịch 2 (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP NH TMCP Quân Đội (MB Bank) – Chi nhánh Sở Giao Dịch 2 (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian có hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 32
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của máy móc, thiết bị là 15 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có chương trình phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của Chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 08 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	489.992.112	53.238.458
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.915.923.006	674.816.519
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng) (i)	10.497.143.605	8.050.000.000
Cộng	14.903.058.723	8.778.054.977

- (i) Toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2 với số tiền là 10.497.143.605 VND được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng này (xem thuyết minh số V.19a).

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 03 tháng đến 12 tháng.

Toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2 với số tiền lần lượt là 7.980.000.000 VND, 7.000.000.000 VND và 18.320.000.000 VND được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại các ngân hàng này (xem thuyết minh số V.19a).

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	9.159.710.830	9.530.977.984
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường	2.961.660.484	9.530.977.984
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường – Chi nhánh Đà Nẵng	928.980.674	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	5.269.069.672	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	90.263.902.934	66.327.149.959
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế – Thí nghiệm Điện Hoàng Dương	217.309.160	8.921.179.354
Công ty TNHH Thương mại Cơ điện HCM	20.886.556.432	3.634.937.731
Các khách hàng khác	69.160.037.342	53.771.032.874
Cộng	99.423.613.764	75.858.127.943

Toàn bộ khoản phải thu đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sở giao dịch 2 và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (xem thuyết minh số V.19a).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Synenergy SRL	1.990.358.000	-
Công ty TNHH MTV Thiết bị Lioa Đồng Nai	1.132.516.741	-
Công ty TNHH MTV Tuv Rheinland Việt Nam	510.753.600	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Xây dựng Sản xuất Đoàn Kết	6.308.300	198.096.408
Yogiant International Limited	-	817.252.980
Công ty TNHH Thương mại Tài nguyên Thiên nhiên Việt Nam	-	517.226.335
Các nhà cung cấp khác	1.469.250.866	991.986.726
Cộng	5.109.187.507	2.524.562.449

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	12.172.585.932	-
Ông Nguyễn Đức Mạnh – Tạm ứng	-	-	7.854.568.000	-
Ông Nguyễn Đức Tường – Tạm ứng	-	-	3.532.017.932	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường – Tiền cho mượn	-	-	786.000.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	2.074.907.335	-	1.657.503.583	-
Tạm ứng	297.955.758	-	657.913.723	-
Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.776.951.577	-	720.733.958	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	-	-	278.855.902	-
Cộng	2.074.907.335	-	13.830.089.515	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Đầu tư ĐT Quang Thành	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	2.364.152.525	1.598.609.870	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	1.551.808.850	1.086.266.195
Công ty TNHH Xây dựng Trung Quốc (Đồng Nam Á)	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	1.108.442.492	1.018.442.492	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	1.108.442.492	1.018.442.492
Các tổ chức và cá nhân khác	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	981.465.780	917.589.460	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	2.515.455.643	2.023.914.252
	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	2.296.823.939	1.258.891.608	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	1.027.998.707	284.752.725
	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	596.671.410	198.487.263	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	331.506.780	66.301.355
	Từ 03 năm đến dưới 04 năm	1.142.614.544	228.522.909	Từ 03 năm đến dưới 04 năm	1.142.614.544	228.522.908
	Trên 04 năm	8.490.170.691	5.220.543.601	Trên 04 năm	7.677.827.016	4.708.199.927
Cộng						

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.969.627.089	671.086.620
Trích lập dự phòng	300.000.000	2.298.540.469
Số cuối năm	3.269.627.089	2.969.627.089

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	118.453.459.019	-	45.872.025.402	-
Công cụ, dụng cụ	634.085.888	-	334.451.192	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	25.672.770.498	-	32.035.056.155	-
Thành phẩm	77.138.045.272	-	47.352.027.199	-
Hàng hóa	13.298.437.495	-	32.048.326.424	-
Cộng	235.196.798.172	-	157.641.886.372	-

Toàn bộ hàng tồn kho của Công ty đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2 và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (xem thuyết minh số V.19a).

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	297.491.104	177.875.035
Chi phí bảo hiểm	130.477.694	69.601.578
Chi phí sửa chữa	73.704.067	64.213.121
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	852.571.444	1.048.267.058
Cộng	1.354.244.309	1.359.956.792

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	2.993.627.565	2.549.691.423
Chi phí sửa chữa	14.359.493.120	7.166.556.976
Các chi phí trả trước dài hạn khác	682.409.868	1.738.811.440
Cộng	18.035.530.553	11.455.059.839

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	14.102.368.926	104.376.585.738	8.283.898.348	1.385.482.388	128.148.335.400
Mua trong năm	-	562.330.587	-	250.290.000	812.620.587
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	11.142.649.100	-	139.850.000	11.282.499.100
Mua tại tài sản cố định thuê tài chính	-	4.102.560.000	-	-	4.102.560.000
Số cuối năm	14.102.368.926	120.184.125.425	8.283.898.348	1.775.622.388	144.346.015.087
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	8.268.050.055	42.257.932.894	1.016.512.499	1.325.230.570	53.067.316.707
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Số đầu năm	12.178.198.628	54.079.617.528	4.286.809.103	1.330.283.948	71.874.909.207
Khấu hao trong năm	318.268.189	5.762.238.286	846.360.528	43.612.314	6.970.479.317
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	1.094.016.000	-	-	1.094.016.000
Số cuối năm	12.496.466.817	60.935.871.814	5.133.169.631	1.373.896.262	79.939.404.524
Số đầu năm	1.924.170.298	50.296.968.210	3.997.089.245	55.198.440	56.273.426.193
Số cuối năm	1.605.902.109	59.248.253.611	3.150.728.717	401.726.126	64.406.610.563
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 58.342.475.720 VND và 35.267.812.124 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Phú Nhuận, Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2 và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.19).

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị
Nguyên giá	
Số đầu năm	4.102.560.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.483.377.950
Mua tại tài sản cố định thuê tài chính	(4.102.560.000)
Số cuối năm	4.483.377.950
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	820.512.000
Khấu hao trong năm	497.672.898
Mua tại tài sản cố định thuê tài chính	(1.094.016.000)
Số cuối năm	224.168.898
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	3.282.048.000
Số cuối năm	4.259.209.052

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình phần mềm máy tính, chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	430.000.000	107.500.008	322.499.992
Khấu hao trong năm		53.750.004	
Số cuối năm	430.000.000	161.250.012	268.749.988

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Khoản chi phí mua sắm tài sản cố định, chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	20.038.000.561	13.552.999.748
Chi phí phát sinh trong năm	19.786.684.882	40.834.867.932
Kết chuyển vào TSCĐ hữu hình trong năm	(11.282.499.100)	(32.965.645.523)
Kết chuyển vào TSCĐ thuê tài chính	(4.483.377.950)	-
Kết chuyển vào công cụ, dụng cụ	(643.622.400)	(1.372.406.779)
Kết chuyển vào chi phí	-	(11.814.817)
Số cuối năm	23.415.185.993	20.038.000.561

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>362.804.163</i>	<i>2.293.517.310</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường	206.270.432	2.136.983.579
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	156.533.731	156.533.731
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>106.469.469.956</i>	<i>60.507.894.454</i>
Công ty Điện lực Bình Dương	53.115.493.334	-
Công ty TNHH Kim loại màu Đông Dương	17.325.002.300	-
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	85.107.638	14.757.294.229
Sumitomo Corporation Asia Pte. Ltd	-	10.640.753.340
Các nhà cung cấp khác	35.943.866.684	35.109.846.885
Cộng	106.832.274.119	62.801.411.764

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>21.281.150</i>
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đức Tường – Chi nhánh Đà Nẵng	-	21.281.150
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>12.979.204.355</i>	<i>9.100.332.901</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng Kỹ thuật Công nghệ Hoàng Hoàng Long	3.158.231.024	5.441.231.451
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Điện cơ Phúc Thịnh	1.117.257.350	1.117.257.350
Các khách hàng khác	8.703.715.981	2.541.844.100
Cộng	12.979.204.355	9.121.614.051

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	159.257.231	288.894.029	(448.151.260)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	4.750.633.533	(4.750.633.533)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	11.746.660	(11.746.660)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.463.254.182	2.753.604.998	(3.213.534.182)	1.003.324.998
Thuế thu nhập cá nhân	112.112.508	641.279.471	(589.343.633)	164.048.346
Thuế nhà đất	-	52.277.238	(52.277.238)	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	38.474.926	(38.474.926)	-
Cộng	1.734.623.921	8.540.910.855	(9.108.161.432)	1.167.373.344

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Trong năm Công ty được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% cho một số hàng hóa, dịch vụ theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 và Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.969.511.015	8.299.441.543
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	447.976.465	16.829.368
Thu nhập tính thuế	12.417.487.480	8.316.270.911
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	2.483.497.496	1.663.254.182
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	270.107.502	280.000
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.753.604.998	1.663.534.182

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Phải trả người lao động
Tiền lương tháng 12 còn phải trả cho người lao động.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thù lao Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán	522.800.000	482.245.500
Chi phí lãi vay	381.814.779	375.859.779
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.026.200.435	3.356.559.349
Cộng	1.930.815.214	4.214.664.628

18. Phải trả khác ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Thiết bị điện Lioa Đồng Nai	745.783.100	-
Cổ tức phải trả	465.725.000	467.725.000
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	41.513.400	40.608.200
Tài sản thừa chờ giải quyết	294.951.051	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.000.000	27.000.000
Cộng	1.550.972.551	535.333.200

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

19. Vay và nợ thuê tài chính

19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	256.953.777.041	160.875.458.315
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	79.680.716.543	65.990.477.556
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sở giao dịch 2 ⁽ⁱⁱ⁾	135.302.700.774	85.004.645.019
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4 TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	27.389.109.858	5.341.379.740
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	4.538.956.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ^(iv)	14.581.249.866	-
Vay ngắn hạn cá nhân	1.200.000.000	-
Vay Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	1.200.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.19b)	1.922.764.432	2.272.313.862
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh V.19b)	1.055.907.840	1.652.615.198
Cộng	261.132.449.313	164.800.387.375

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty với lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ, thời hạn cấp hạn mức tín dụng tính từ ngày ký hợp đồng này đến ngày 03 tháng 11 năm 2024. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.2 và V.7), quyền thuê đất tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa của Công ty; tiền gửi tiết kiệm của Ông Nguyễn Đức Tường tại Ngân hàng, quyền sử dụng đất và nhà ở tại số 105 đường số 7, khu nhà ở Phước Kiển, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh và hợp đồng bảo lãnh số 0126/2175/BLVVDN3 ký ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Ông Nguyễn Đức Tường và Bà Phan Thị Hiệp (xem thuyết minh số VIII.1a).

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sở giao dịch 2 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty với lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ, thời hạn cấp hạn mức tín dụng tính từ ngày ký hợp đồng này đến ngày 12 tháng 3 năm 2025. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Ông Nguyễn Đức Tường và Bà Phan Thị Hiệp (xem thuyết minh số VIII.1a); hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.1), hàng tồn kho và quyền đòi nợ luân chuyển của Công ty (xem thuyết minh số V.1, V.2, V.3 và V.7).

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4 TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty với lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ, thời hạn cấp hạn mức tín dụng tính từ ngày ký hợp đồng này đến ngày 30 tháng 9 năm 2024. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các hợp đồng mua sắm như sau:

Tài sản thế chấp	Giá trị thế chấp
Hợp đồng mua sắm hàng hóa số 209/2024/HĐ-PCAPĐ-VT ngày 23/01/2024 với Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh TNHH – Công ty Điện lực An Phú Đông	5.405.000.000 VND
Hợp đồng số 306/2024/HĐ-PCTB-VIETTHAI ngày 07/03/2024 với Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh TNHH – Công ty Điện lực Tân Bình	5.826.000.000 VND
Hợp đồng cung cấp vật tư thiết bị số 417/2023/HĐ-PCCC-VIETTHAI ngày 19/02/2024 với Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh TNHH – Công ty Điện lực Củ Chi	4.297.000.000 VND

(iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty với lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ, thời hạn cấp hạn mức tín dụng tính từ ngày ký hợp đồng này đến ngày 06 tháng 6 năm 2025. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho tại các Nhà máy Đồng Nai tại Đường số 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và Nhà máy Giang Điền tại Lô số 6, Đường số 2 và số 5, Khu công nghiệp Giang Điền, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai với giá trị thế chấp là 40.000.000.000 VND, hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh V.2) và quyền đòi nợ theo hợp đồng số 7ST/2024/IDKT/VIETTHAI-LiOA với số tiền là 15.940.307.745 VND (xem thuyết minh số V.2, V.3 và V.7).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết phát sinh của khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	160.875.458.315	662.032.398.084	-	(565.954.079.358)	256.953.777.041
Vay ngắn hạn cá nhân	-	1.400.000.000	-	(200.000.000)	1.200.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	2.272.313.862	-	5.438.952.132	(5.788.501.562)	1.922.764.432
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	1.652.615.198	-	746.081.782	(1.342.789.140)	1.055.907.840
Cộng	164.800.387.375	663.432.398.084	6.185.033.914	(573.285.370.060)	261.132.449.313

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	19.440.130.909	14.909.680.357
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4 TP. Hồ Chí Minh (i)	3.090.717.000	4.120.956.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Phú Nhuận (ii)	-	281.008.500
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sở giao dịch 2 (iii)	16.349.413.909	10.507.715.857
Nợ thuê tài chính dài hạn	3.053.231.360	2.215.773.942
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	3.053.231.360	2.215.773.942
Cộng	22.493.362.269	17.125.454.299

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4 TP. Hồ Chí Minh để mua sắm tài sản cố định với thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh V.9).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Phú Nhuận để mua sắm tài sản cố định với thời hạn vay 36 tháng và 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh V.9).

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sở giao dịch 2 để mua sắm tài sản cố định với thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh V.9).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm
Số cuối năm			
Vay dài hạn ngân hàng	21.362.895.341	1.922.764.432	19.440.130.909
Nợ thuê tài chính	4.109.139.200	1.055.907.840	3.053.231.360
Cộng	25.472.034.541	2.978.672.272	22.493.362.269
Số đầu năm			
Vay dài hạn ngân hàng	17.181.994.219	2.272.313.862	14.909.680.357
Nợ thuê tài chính	3.868.389.140	1.652.615.198	2.215.773.942
Cộng	21.050.383.359	3.924.929.060	17.125.454.299

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm
Số cuối năm			
Tiền gốc phải trả	4.109.139.200	1.055.907.840	3.053.231.360
Lãi thuê phải trả	783.554.771	342.478.557	441.076.214
Nợ thuê tài chính phải trả	4.892.693.971	1.398.386.397	3.494.307.574
Số đầu năm			
Tiền gốc phải trả	3.868.389.140	1.652.615.198	2.215.773.942
Lãi thuê phải trả	796.557.612	332.828.592	463.729.020
Nợ thuê tài chính phải trả	4.664.946.752	1.985.443.790	2.679.502.962

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	14.909.680.357	9.969.402.684	(5.438.952.132)	19.440.130.909
Nợ thuế tài chính	2.215.773.942	1.583.539.200	(746.081.782)	3.053.231.360
Cộng	17.125.454.299	11.552.941.884	(6.185.033.914)	22.493.362.269

19c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	78.999.890.000	27.840.677	6.845.243.773	85.872.974.450
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	6.635.907.361	6.635.907.361
Điều chỉnh thuế giá trị gia tăng được khấu trừ năm trước	-	-	(4.020.658.678)	(4.020.658.678)
Số dư cuối năm trước	78.999.890.000	27.840.677	9.460.492.456	88.488.223.133
Số dư đầu năm nay	78.999.890.000	27.840.677	9.460.492.456	88.488.223.133
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	9.215.906.017	9.215.906.017
Số dư cuối năm nay	78.999.890.000	27.840.677	18.676.398.473	97.704.129.150

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Nguyễn Đức Tường	-	36.199.690.000
Ông Trần Văn Hùng	19.000.000.000	-
Ông Trần Cao Cường	18.817.500.000	-
Ông Trần Anh Tú	13.000.000.000	-
Ông Nguyễn Đức Mạnh	-	25.817.500.000
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Tân Cường Thành	9.239.200.000	9.239.200.000
Ông Nguyễn Hải Hồ	10.000.000.000	-
Các tổ chức và cá nhân khác	8.943.190.000	7.743.500.000
Cộng	78.999.890.000	78.999.890.000

20c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.899.989	7.899.989
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	7.899.989	7.899.989
- Cổ phiếu phổ thông	7.899.989	7.899.989
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.899.989	7.899.989
- Cổ phiếu phổ thông	7.899.989	7.899.989
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

21a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê nhà xưởng không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	5.100.000.000	4.860.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	10.200.000.000	15.300.000.000
Cộng	15.300.000.000	20.160.000.000

Công ty thuê nhà xưởng dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ năm 2023 đến năm 2028 và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.

21b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 931,08 USD (số đầu năm là 118,99 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	723.943.575.112	454.435.425.674
Doanh thu bán nguyên vật liệu, hàng hóa	32.604.993.844	53.096.347.200
Doanh thu gia công	6.274.369.008	1.749.742.842
Cộng	762.822.937.964	509.281.515.716

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường	155.865.180.798	101.278.937.963
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường – Chi nhánh Đà Nẵng	863.874.385	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	4.920.925.193	-

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản hàng bán bị trả lại.

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm tiêu thụ	626.468.951.558	386.551.047.079
Giá vốn của nguyên vật liệu, hàng hóa đã tiêu thụ	50.467.318.203	55.188.003.445
Giá vốn gia công	6.992.223.315	-
Cộng	683.928.493.076	441.739.050.524

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	4.088.732	7.422.405
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	418.670.762	91.453.972
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	149.847.658	378.360.654
Cộng	<u>572.607.152</u>	<u>477.237.031</u>

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	15.452.427.989	12.516.271.260
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	425.150.102	817.227.815
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	261.586.930	1.071.232.501
Các chi phí khác	36.081.835	7.000.000
Cộng	<u>16.175.246.856</u>	<u>14.411.731.576</u>

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí vận chuyển	15.365.845.581	7.965.948.901
Chi phí hoa hồng môi giới	3.980.721.475	11.046.515.148
Chi phí cho nhân viên	5.845.868.826	4.804.418.082
Chi phí vật liệu đồ dùng	1.068.852.026	1.071.961.596
Chi phí khấu hao tài sản cố định	217.047.048	217.047.048
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.163.104.370	3.413.317.664
Các chi phí khác	3.336.681.323	3.131.601.992
Cộng	<u>33.978.120.649</u>	<u>31.650.810.431</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.059.653.045	4.068.783.933
Chi phí đồ dùng văn phòng	352.266.857	866.043.445
Chi phí khấu hao tài sản cố định	274.522.729	262.558.834
Thuế, phí và lệ phí	268.535.054	904.010.434
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.228.988.365	2.585.620.758
Dự phòng phải thu khó đòi	300.000.000	2.298.540.469
Các chi phí khác	3.609.122.709	1.600.489.402
Cộng	<u>11.093.088.759</u>	<u>12.586.047.275</u>

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Xử lý công nợ	-	4.181.754
Các khoản thu nhập khác	43.217.757	708.500
Cộng	<u>43.217.757</u>	<u>4.890.254</u>

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	83.229.163	9.110.620
Xử lý kiểm kê, thất thoát	-	535.616.427
Các chi phí khác	194.037.445	221.241.005
Cộng	<u>277.266.608</u>	<u>765.968.052</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.215.906.017	6.635.907.361
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.215.906.017	6.635.907.361
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	7.899.989	7.899.989
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.167	840

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	787.134.159.966	457.058.137.752
Chi phí nhân công	24.381.114.167	18.468.205.204
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.521.902.219	6.480.786.180
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.268.906.778	21.048.231.568
Chi phí khác	10.464.440.496	24.841.867.061
Cộng	872.770.523.626	527.897.227.765

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Công ty có các khoản công nợ liên quan đến mua sắm tài sản cố định như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước tiền mua sắm tài sản cố định	2.092.439.538	173.147.625
Phải trả tiền mua sắm tài sản cố định	1.418.152.002	16.483.425.598

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tạm ứng	15.005.524.001	-
Mượn tiền	4.845.192.000	-

Cam kết bảo lãnh

Ông Nguyễn Đức Tường và Bà Phan Thị Hiệp dùng tài sản là sổ dư tiền gửi tiết kiệm của Ông Nguyễn Đức Tường, quyền sử dụng đất và nhà ở tại số 105 đường số 7, khu nhà ở Phước Kiển, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh và hợp đồng bảo lãnh số 0126/2175/BLVVDN3 ký ngày 21 tháng 12 năm 2021 để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.19a).

Ông Nguyễn Đức Tường và Bà Phan Thị Hiệp dùng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sở giao dịch 2 (xem thuyết minh số V.19a).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.5a, V.17 và V.18.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Tiền lương	Thù lao	Tổng thu nhập
Năm nay			
Ông Nguyễn Đức Tường	-	170.000.000	170.000.000
Ông Nguyễn Hải Hồ	-	30.000.000	30.000.000
Ông Trần Văn Hùng	-	100.000.000	100.000.000
Ông Trần Minh Hiệp	-	108.000.000	108.000.000
Ông Nguyễn Quang Vinh	-	60.000.000	60.000.000
Bà Mai Phan Cẩm Tú	360.000.000	6.000.000	366.000.000
Ông Nguyễn Đức Mạnh	240.000.000	15.000.000	255.000.000
Ông Đàm Phú Quốc	152.538.300	-	152.538.300
Bà Bạch Thị Minh Thu	69.000.000	-	69.000.000
Cộng	821.538.300	489.000.000	1.310.538.300
Năm trước			
Ông Nguyễn Đức Tường	120.000.000	120.000.000	240.000.000
Ông Trần Văn Hùng	-	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Quang Vinh	-	96.000.000	96.000.000
Ông Trần Minh Hiệp	-	72.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Đức Mạnh	240.000.000	45.000.000	285.000.000
Bà Mai Phan Cẩm Tú	300.000.000	60.000.000	360.000.000
Ông Đàm Phú Quốc	300.000.000	-	300.000.000
Cộng	960.000.000	453.000.000	1.413.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT THÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Tân Cường Thành	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường	Công ty có cùng thành viên chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ đã được trình bày ở thuyết minh VI.1b, Công ty còn phát sinh thêm các giao dịch khác với Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua hàng hóa	6.265.303.526	32.941.562.284
Mua vật tư	4.729.012.079	430.694.569
Chi phí thuê xưởng	4.860.000.000	4.147.000.000
Phí quản lý hạ tầng thuê nhà xưởng	-	486.372.122
Chi phí điện	1.021.095.908	694.146.630
Chi phí khác	504.829.827	365.664.030
Cho mượn tiền	-	936.000.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5a, V.13 và V.14.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty chỉ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất dây cáp điện các loại với doanh thu chiếm tỷ lệ 97,58%.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Đồng Nai, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Bạch Thị Minh Thu
Kế toán trưởng/Người lập



Mai Phan Cẩm Tú
Tổng Giám đốc